

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

-----

Số: 97498/CT-TTHT  
V/v kê khai thuế TNCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

**Kính gửi:** Công ty CP đầu tư Địa ốc Sông Hồng  
Địa chỉ: tòa nhà văn phòng 165 Thái Hà, Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội;  
MST: 0102267002)

Cục thuế TP Hà Nội nhận được hồ sơ bổ sung ngày 21/11/2019 của Công ty CP đầu tư Địa ốc Sông Hồng về việc bổ sung hồ sơ kèm theo công văn số 1095/TCKT-SHL ngày 12/09/2019 hỏi về chính sách thuế đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 9 Điều 3 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định:

*"9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là hợp đồng BCC) là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập tổ chức kinh tế."*

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Tại điểm n Khoản 3 Điều 5 quy định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp được xác định như sau:

*"n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:*

*- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng.*

*- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng sản phẩm thì doanh thu tính thuế là doanh thu của sản phẩm được chia cho từng bên theo hợp đồng.*

*- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập trước thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí, xác định lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp chia cho từng bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh. Mỗi bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tự thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của mình theo quy định hiện hành.*

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho các bên còn lại tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.”

- Căn cứ Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP:

+ Tại Điều 2 quy định:

“b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

b.1) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 1 %; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 0,5%.

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 2%.

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 3%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1,5%.

- Hoạt động kinh doanh khác: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 2%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1%”.

+ Tại Điều 3 quy định:

“a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.

...2. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

a) Doanh thu tính thuế

a.1) Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ được xác định theo hợp đồng bán hàng, gia công, hoa hồng, dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội; các khoản bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (đối với doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân) mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền...

...

b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế từng lần phát sinh áp dụng như đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này....

+ Tại Điều 4 quy định:

“...2. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

a) Doanh thu tính thuế

Doanh thu tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản được xác định như sau:

a.1) Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê tài sản là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê và các khoản thu khác không bao gồm khoản tiền phạt; bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê.

a.2) Doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động cho thuê tài sản là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê và các khoản thu khác bao gồm khoản tiền phạt; bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê.

a.3) Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân xác định theo doanh thu trả tiền một lần.

b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

-Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê tài sản là 5%

-Tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động cho thuê tài sản là 5%

...”

+ Tại Điều 7 quy định:

*“Điều 7. Khai thuế, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh*

#### *1. Nguyên tắc khai thuế*

*...b) Cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức, tài sản tham gia hợp tác kinh doanh thuộc sở hữu của cá nhân, xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân thì cá nhân ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế thay cho cá nhân tại cơ quan thuế quản lý tổ chức....*

*- Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay thì tổ chức khai thuế thay theo Tờ khai mẫu số 01/CNKD kèm theo Phụ lục mẫu số 01-1/BK-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này và bản chụp hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng).”*

+ Tại Điều 8 quy định

*“...b) Nguyên tắc khai thuế*

*Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khai thay thuế cho cá nhân cho thuê tài sản thì trên tờ khai ghi thêm “Khai thay” vào phần trước cụm từ “Người nộp thuế hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” đồng thời người khai ký, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức khai thay thì sau khi ký tên phải đóng dấu của tổ chức theo quy định. Trên hồ sơ tính thuế, chứng từ thu thuế vẫn phải thể hiện đúng người nộp thuế là cá nhân cho thuê tài sản.*

*Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khai thay sử dụng tờ khai mẫu số 01/TTS của cá nhân để khai theo từng hợp đồng hoặc khai cho nhiều hợp đồng trên một tờ khai nếu tài sản thuê tại địa bàn có cùng cơ quan thuế quản lý...”*

*- Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước:*

+ Tại Điều 2 quy định:

*“Điều 2. Phân loại mục lục ngân sách nhà nước theo “Chương”*

#### *4. Danh mục mã Chương*

*Danh mục mã Chương được quy định chi tiết tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này. Sở Tài chính hướng dẫn việc hạch toán mã số Chương trên địa bàn để phù hợp với thực tế tổ chức ở địa phương; không ban hành mã số khác với Thông tư này.*

+ Tại Điều 4 quy định:

*Điều 4. Phân loại mục lục ngân sách nhà nước theo “Mục và Tiểu mục”*

*4. Danh mục mã Mục, Tiểu mục được quy định chi tiết tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư này. ”*

+ Căn cứ Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC quy định:

|                    | Mã số Mục | Mã số Tiểu mục | TÊN GỌI                                                     | Ghi chú |
|--------------------|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I. PHẦN THU</b> |           |                |                                                             |         |
| Nhóm 0110:         |           |                | <b>THU THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ</b>                              |         |
| Tiểu nhóm 0111:    |           |                | Thuế thu nhập và thu nhập sau thuế thu nhập                 |         |
| Mục                | 1000      |                | Thuế thu nhập cá nhân                                       |         |
| Tiểu mục           |           | ...1003        | Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân |         |
|                    |           | ...1004        | Thuế thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân                     |         |
|                    |           | ...1014        | Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản...              |         |

Căn cứ các quy định trên và công văn của Công ty, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp bà Lê Thị Minh Nguyệt ký hợp đồng với Công ty theo hình thức hợp tác kinh doanh ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay thì Công ty thực hiện khai thuế và nộp thuế TNCN thay cho bà Lê Thị Minh Nguyệt tại cơ quan thuế quản lý Công ty theo quy định tại Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

Về giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước: Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh theo hợp đồng đã lập với bà Lê Thị Minh Nguyệt, đối chiếu với các quy định của pháp luật nêu trên để xác định mẫu tờ khai, chi tiết nội dung nộp tiền (tiểu mục, mã chương) tại giấy nộp tiền theo đúng quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 7 để được hướng dẫn..

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng TKT7;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Trường**